

Số: 1564/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần thủy điện ĐăkRơSa, khai thác nguồn nước mặt cho Công trình thủy điện ĐăkRơSa 2

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với công trình thủy điện ĐăkRơSa 2;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần thủy điện ĐăkRơSa cho công trình thủy điện ĐăkRơSa 2 và Hồ sơ kèm theo;

Căn cứ biên bản hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước công trình thủy điện ĐăkRơSa 2;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần thủy điện ĐăkRơSa (địa chỉ tại số 117 Lê Đại Hành, phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với công trình thủy điện ĐăkRơSa 2 và đề nghị của Công ty tại văn bản số 103/CV-DHPC ngày 05 tháng 04 năm 2018, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: công trình thủy điện ĐăkRơSa 2.
2. Mục đích sử dụng nước của công trình: phát điện.
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện (điện lượng trung bình hằng năm E_0 là 9,19 triệu kWh).
4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với mục đích khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện là: 1.204,46 đồng/kWh.
5. Tổng số tiền phải nộp (từ năm 2017 đến năm 2028). 4

5.1. Tổng số tiền cấp quyền phải nộp là: **1.187.566.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (từ ngày 25/5/2018 đến hết ngày 24/5/2028): 1.106.899.000 đồng.

- Theo đề nghị của Công ty (từ ngày 01/9/2017 đến ngày 24/5/2018): 80.667.000 đồng.

5.2. Tổng số tiền phân ra từng năm phải nộp như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (năm 2017) là: 36.997.000 đồng.

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo là: 110.690.000 đồng.

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (năm 2028) là: 43.669.000 đồng.

6. Phương án nộp tiền: nộp theo năm.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh Kon Tum có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Công ty cổ phần thủy điện ĐăkRơSa có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 thì Công ty cổ phần thủy điện ĐăkRơSa phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Kon Tum và Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện ĐăkRơSa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Kon Tum;
- Sở TN&MT Kon Tum;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế tỉnh Kon Tum;
- Lưu: VT, VP, TNN, HSCP.

α 4



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành